TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2023/DS-ST
Ngày: 04-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông (Bà) Nguyễn Thị Ngọc Mỹ.

2/ Ông (Bà) Lê Thị Thanh Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 21/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS ngày 27/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2023/QĐST-DS ngày 26/5/2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST-DS ngày 21/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2023/QĐST-DS ngày 28/6/2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-DS ngày 28/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A.

Trụ sở: 442 N, Phường 5, Quận X, TP.HCM.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hứa Thị Phương K, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ACB, 444A-446 đường C, Phường 11, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số: 1307/UQ-QLN.22 ngày 16/12/2022 của Ngân hàng TMCP A)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh T.

Địa chỉ: 468/12/11 (địa chỉ mới: 440/12/15) đường M, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng TMCP A và quá trình giải quyết vụ án bà Hứa Thị Phương K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/11/2007, Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là ngân hàng) và ông Phạm Minh T đã ký Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107, kèm theo Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại ngân hàng TMCP A, Giấy đề nghị kiêm phương án vay tiêu dùng tín chấp; Số tiền vay là 30.000.000 đồng; Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay; Mục đích vay: Tiêu dùng tín chấp/ Hỗ trợ tiêu dùng – Xây, sửa chữa, trang trí nhà; Lãi suất trong hạn là 1,15%/tháng; Lãi suất vay quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình sử dụng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với số tiền là 20.000.000 đồng. Đến ngày 21/11/2009, kết thúc thời hạn cho vay nhưng ông Tiếng vẫn không thanh toán hết nợ vay nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở thanh toán nhưng ông T không có thiện chí trả nợ. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ tạm tính đến ngày 04/7/2023 là 87.025.667 đồng (bao gồm nợ gốc: 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.520.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 58.105.667 đồng, phạt trễ kỳ: 3.400.000 đồng); ông T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107, kèm theo Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại ngân hàng TMCP A, Giấy đề nghị kiêm phương án vay tiêu dùng tín chấp đến ngày trả hết nợ; Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 5 năm 2023, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Minh T trình bày:

Ông xác nhận ông có ký với Ngân hàng TMCP A hợp đồng sau: Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107, kèm theo Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện

pháp bảo đảm tại ngân hàng TMCP A, Giấy đề nghị kiêm phương án vay tiêu dùng tín chấp. Ông xác nhận có vay và có trả tiền cho Ngân hàng nhưng ông không nhớ đã trả bao nhiêu. Ông đề nghị Tòa án xem xét thời hiệu giải quyết vụ án theo Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Ông đồng ý trả số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, và đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ tạm tính đến ngày 04/7/2023 là 87.025.667 đồng (bao gồm nợ gốc: 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.520.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 58.105.667 đồng, phạt trễ kỳ: 3.400.000 đồng); ông T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107, kèm theo Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại ngân hàng TMCP A, Giấy đề nghị kiêm phương án vay tiêu dùng tín chấp đến ngày trả hết nợ; Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P Thành phố Hồ Chí Minh, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 67.025.667 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107 ngày 21/11/2007. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hợp đồng cấp tín dụng của nguyên đơn với khách hàng cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 9.4 tại Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại ngân hàng TMCP A kèm theo Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107 ngày 21/11/2007 quy định: "*Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu có tranh chấp, các Bên sẽ thỏa thuận, thương lượng. Trường hợp không thể giải quyết bằng thỏa thuận, thương lượng thì tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết. Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án, nếu vì bất cứ lý do gì mà Bên vay vắng mặt thì bên vay chấp nhận việc Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên vay*". Tại Hợp đồng tín dụng ghi rõ bị đơn có địa chỉ tại 468/12/11 đường M, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo phúc đáp của Công an Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung thể hiện bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại 468/12/11 (địa chỉ mới: 440/12/15) đường M, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 16/01/2008 đến nay.

Xét, bị đơn ông Phạm Minh T có nơi cư trú tại 468/12/11 (địa chỉ mới: 440/12/15) đường M, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ Đơn yêu cầu ngày 21/6/2023 và bản tự khai ngày 26/5/2023, bị đơn là ông Phạm Minh T yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu theo Điều 184, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.4] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107 giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào ngày 21/11/2007 nên căn cứ vào quy định

của Bộ luật Dân sự 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2004 để xem xét, giải quyết.

[1.5] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, bị đơn là ông Phạm Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.6] Việc thu thập chứng cứ:

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải các đương sự khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

[1.7] Về tư cách đương sự:

Nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Hứa Thị Phương K theo giấy ủy quyền số 1307/UQ-QLN.22 ngày 16/12/2022 của Ngân hàng TMCP A. Xét đây là sự tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2] Nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc.

[2.1.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107 ngày 21/11/2007 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 407, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xét, ngân hàng được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp: 0301452948, đăng ký thay đổi lần 38 ngày 04/7/2022) do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107 ngày 21/11/2007, Giấy đề nghị kiêm phương án vay tiêu dùng tín chấp (áp dụng đối với khách hàng cá nhân) ngày 14/11/2007, bảng chiết tính lãi mà nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ông T có vay của ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng tín chấp/ Hỗ trợ tiêu dùng – Xây, sửa chữa, trang trí nhà. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã không trả nợ gốc cho ngân hàng nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 3 và Điều 7 Các điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại ngân hàng TMCP

Akèm theo Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107 ngày 21/11/2007. Đối chiếu bản sao kê do Ngân hàng cung cấp và lời trình bày của đại diện nguyên đơn cho thấy, từ ngày nhận nợ đến nay ông T còn nợ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107 ngày 21/11/2007.

Tại Đơn yêu cầu ngày 21/6/2023 và bản tự khai ngày 26/5/2023, bị đơn là ông Phạm Minh T yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu theo Điều 184, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét, theo quy định Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: "*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm".* Căn cứ quy định nêu trên thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đã hết. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp "*Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác".* Do đó, Ngân hàng có thể yêu cầu đòi lại tài sản là nợ gốc mà không phụ thuộc vào việc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ bản tự khai ngày 21/6/2023 của ông T thể hiện ông đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng. Đây là sự thừa nhận của đương sự theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc 20.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng:

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 16/12/2022 và các bản tự khai của nguyên đơn thể hiện khoản vay của ông T kết thúc thời hạn cho vay vào ngày 21/11/2009, do ông Tiếng không thanh toán đầy đủ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107 ngày 21/11/2007 sang nợ quá hạn. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Thời điểm Ngân hàng biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là ngày 21/11/2009. Tuy nhiên đến ngày 16/12/2022, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện là đã hết thời

hiệu, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông T có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu theo Điều 184, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 và khoản 2 Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông T trả tiền lãi là 67.025.667 đồng trong đó nợ lãi trong hạn là 5.520.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.105.667 đồng, phạt trễ kỳ là 3.400.000 đồng.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P Thành phố Hồ Chí Minh, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 67.025.667 đồng

[2.3] Xét, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết nội dung vụ án nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 407, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 155 và Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Phạm Minh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền nợ gốc là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng trả góp số PDL.CN.06211107 ngày 21/11/2007.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP A về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Minh T trả số tiền lãi là 67.025.667 đồng trong đó nợ lãi trong hạn là 5.520.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.105.667 đồng, phạt trễ kỳ là 3.400.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn).

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.115.000 đồng (Hai triệu một trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0030061 ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận P;
- CC THADS quận P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Hoàng Yến